

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TOÀN DIỆN CAO NGUYỄN
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TOÀN DIỆN CAO NGUYỄN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: CAO NGUYEN COMPREHENSIVE DEVELOPMENT INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: CAO NGUYEN CDI .,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0109186458

3. Ngày thành lập: 19/05/2020

4. Địa chỉ trụ sở chính:

số 65 phố Châu Long, Phường Trúc Bạch, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0965942258

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020(Chính)
2.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
3.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
4.	Xây dựng công trình thủy	4291
5.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810
6.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Loại trừ đấu giá quyền sử dụng đất	6820
7.	Hoạt động của trụ sở văn phòng	7010
8.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
9.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
10.	Quảng cáo	7310
11.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
12.	Giáo dục nhà trẻ	8511
13.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551
14.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu	8559
15.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
16.	Hoạt động chăm sóc sức khỏe người có công, người già và người khuyết tật không có khả năng tự chăm sóc	8730
17.	Hoạt động của các cơ sở thể thao	9311
18.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118

19.	Trồng cây hàng năm khác	0119
20.	Trồng cây ăn quả	0121
21.	Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai	0144
22.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	0145
23.	Chăn nuôi gia cầm	0146
24.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
25.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
26.	Khai thác gỗ	0220
27.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0231
28.	Thu nhặt lâm sản khác trừ gỗ	0232
29.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
30.	Khai thác thủy sản biển	0311
31.	Khai thác thủy sản nội địa	0312
32.	Nuôi trồng thủy sản biển	0321
33.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
34.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
35.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
36.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
37.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
38.	Sản xuất chè	1076
39.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
40.	Sản xuất sợi	1311
41.	Sản xuất vải dệt thoi	1312
42.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
43.	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu	1399
44.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
45.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
46.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
47.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
48.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
49.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
50.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
51.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu	1709
52.	In ấn	1811
53.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
54.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
55.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312

56.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
57.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
58.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
59.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
60.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
61.	Xuất bản phần mềm	5820
62.	Hoạt động viễn thông có dây	6110
63.	Hoạt động viễn thông không dây	6120
64.	Hoạt động viễn thông vệ tinh	6130
65.	Hoạt động viễn thông khác	6190
66.	Xây dựng nhà để ở	4101
67.	Xây dựng nhà không để ở	4102
68.	Xây dựng công trình điện	4221
69.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
70.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
71.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
72.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
73.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
74.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
75.	Phá dỡ	4311
76.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
77.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
78.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
79.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
80.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
81.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
82.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
83.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
84.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
85.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
86.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
87.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
88.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520

89.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
90.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Loại trừ đấu giá hàng hóa	4610
91.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
92.	Bán buôn thực phẩm	4632
93.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao	4649
94.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
95.	Vận tải hàng hóa đường sắt	4912
96.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
97.	Giáo dục mẫu giáo	8512
98.	Giáo dục tiểu học	8521
99.	Giáo dục trung học cơ sở	8522
100.	Giáo dục trung học phổ thông	8523
101.	Đào tạo sơ cấp	8531
102.	Đào tạo trung cấp	8532
103.	Đào tạo cao đẳng	8533
104.	Đào tạo đại học	8541
105.	Đào tạo thạc sỹ	8542
106.	Đào tạo tiến sỹ	8543
107.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật	8552
108.	Hoạt động của các bệnh viện, trạm y tế	8610
109.	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa	8620
110.	Hoạt động của hệ thống cơ sở chính hình, phục hồi chức năng	8692
111.	Hoạt động y tế khác chưa được phân vào đâu	8699
112.	Hoạt động chăm sóc sức khoẻ người bị thiếu năng, tâm thần và người nghiện	8720
113.	Hoạt động chăm sóc tập trung khác	8790
114.	Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao	9312
115.	Hoạt động thể thao khác	9319
116.	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	9321
117.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu	9329
118.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khoẻ tương tự (trừ hoạt động thể thao)	9610
119.	Cho thuê xe có động cơ	7710

120.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
121.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm	7810
122.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
123.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động	7830
124.	Đại lý du lịch	7911
125.	Điều hành tua du lịch	7912
126.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
127.	Hoạt động bảo vệ tư nhân	8010
128.	Dịch vụ hệ thống bảo đảm an toàn	8020
129.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
130.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
131.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
132.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh.	8299
133.	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141
134.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
135.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la và sản xuất giống ngựa, lừa	0142

6. Vốn điều lệ: 20.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 2.000.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN VĂN ĐẠI	Xóm 9, Xã Nga Liên, Huyện Nga Sơn, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	200.000	2.000.000.000	10,000	173288871	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	200.000	2.000.000.000	10,000		
2	LÝ HUY HOÀNG	xóm đà Vĩ, Thị trấn Quảng Uyên, Huyện Quảng Hòa, Tỉnh Cao Bằng, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	200.000	2.000.000.000	10,000	085024928	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	200.000	2.000.000.000	10,000		

3	VŨ ĐÌNH THẢO	số 65 phố Châu Long, Phường Trúc Bạch, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.600.000	16.000.000.000	80,000	001058007566
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	1.600.000	16.000.000.000	80,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN VĂN ĐẠI

Giới tính: Nam

Chức danh: Thành viên Hội đồng quản trị

Sinh ngày: 13/07/1991

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 173288871

Ngày cấp: 21/11/2008

Nơi cấp: Công an Tỉnh Thanh Hóa

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm 9, Xã Nga Liên, Huyện Nga Sơn, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 18/23/165 phố Dương Quảng Hàm, Phường Quan Hoa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

* Họ và tên: LỖ HUY HOÀNG Giới tính: Nam

Chức danh: Thành viên Hội đồng quản trị

Sinh ngày: 14/07/1992 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 085024928

Ngày cấp: 08/10/2015 Nơi cấp: Công an Tỉnh Cao Bằng

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: xóm Đà Vĩ, Thị trấn Quảng Uyên, Huyện Quảng Hòa,
Tỉnh Cao Bằng, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: xóm Đà Vĩ, Thị trấn Quảng Uyên, Huyện Quảng Hòa, Tỉnh Cao Bằng,
Việt Nam

* Họ và tên: **VŨ ĐÌNH THẢO** Giới tính: **Nam**
 Chức danh: **Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc**
 Sinh ngày: **24/12/1958** Dân tộc: **Kinh** Quốc tịch: **Việt Nam**
 Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: **Chứng minh nhân dân**
 Số giấy chứng thực cá nhân: **001058007566**
 Ngày cấp: **17/12/2018** Nơi cấp: **Cục cảnh sát quản lý hành chính và trật tự xã hội**
 Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: **65 phố Châu Long, Phường Trúc Bạch, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**
 Chỗ ở hiện tại: **65 phố Châu Long, Phường Trúc Bạch, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội